

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị U** - Sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu 6B, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh **Lê Anh P** - Sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khu 9, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Quỹ tín dụng nhân dân xã Ninh Dân;**

Địa chỉ trụ sở: Khu 9, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Anh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Anh P đều xác nhận có 01 con chung là Lê Thanh T – Sinh ngày 04/10/2009; Hiện nay con chung đang ở với anh P. Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Anh P tự nguyện thoả thuận: Anh Lê Anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom

con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị U được quyền sở hữu tài sản là chiếc ô tô khách 29 chỗ ngồi, nhãn hiệu HUYNDAI, màu vàng ghi, số loại COUNTY, số máy D4DDA441xxx, số khung RLPJHD7DPBD01xxx, biển số 19B-000.xx (xe đã qua sử dụng), giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001xxx do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 02/10/2014 (Chiếc xe ô tô này hiện nay chị U đang quản lý và sử dụng).

Anh Lê Anh P được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản mà hiện nay anh P đang quản lý gồm: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 14, diện tích 58,5m² và tài sản gắn liền với đất là nhà xây lợp tôn diện tích 50m² tại khu 9, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL247508 ngày 18/10/2007 đứng tên Lê Anh P; Thửa đất số 632, tờ bản đồ số 47, diện tích 146,4 m² ở tại khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Thanh Ba cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 422633 ngày 16/8/2018 đứng tên Lê Anh P và Nguyễn Thị U (Cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện đang thế chấp vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N, huyện Thanh Ba)

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ:

Chị Nguyễn Thị U, anh Lê Anh P và đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã N là ông Cao Văn B tự nguyện thỏa thuận như sau:

Anh Lê Anh P có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã N số tiền gốc còn nợ là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 629/2018/HĐTD, ngày 04/9/2018. Tiếp tục duy trì “Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” số 457/HĐTS ngày 04/9/2018 để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Anh Lê Anh P có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị U số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ khi Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị U đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001673 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị U 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Tuấn